

Số: 489/2021/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 01 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 317/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Lương Thị T** - sinh năm 1992

Địa chỉ: đường H, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Vũ Hoàng N** – sinh năm 1991

Địa chỉ: đường H, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/4/2015 thì ông N và bà T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 01/2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay hai bên nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N và bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Hoàng Cao T1, sinh ngày 14/9/2015. Hai bên thỏa thuận bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 11/2021 cho đến khi con chung thành niên. Sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và phù hợp nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Lương Thị T và ông Vũ Hoàng N chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị T và ông Vũ Hoàng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Vũ Hoàng Cao T1, sinh ngày 14/9/2015 cho bà Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Vũ Hoàng N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 11/2021 cho đến khi con chung thành niên.

Ông Vũ Hoàng N được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Vũ Hoàng N chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Hoàng N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

**2.** Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Lương Thị T và ông Vũ Hoàng N nộp, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu số 0069388 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- UBND P.14, quận Tân Bình, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Bành Kim Phụng**